

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/DS-ST;

Ngày: 28-9-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Cẩm Lệ, ngày 28 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Mai Văn Du.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-DS ngày 09/9/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S. Trụ sở: đường N, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Triệu K, sinh năm: 1982. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Dương Anh T, sinh năm: 1972. Địa chỉ hiện nay: đường Đ, phường Đ, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/11/2018, ông Dương Anh T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) nhằm mở thẻ visa hạn mức tín dụng của Ngân hàng. Mục đích: tiêu dùng cá nhân. Hạn mức mở thẻ: 50.000.000 đồng. Lãi suất vay: 2,15%/tháng, kể

từ ngày 15/8/2019 thay đổi lãi suất là 2,6%/tháng và được Ngân hàng điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thực hiện nhiều lần thanh toán qua thẻ tín dụng với số tiền: 64.681.068 đồng và đã trả cho Ngân hàng số tiền 33.800.000 đồng. Từ tháng 4/2020, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*), ngày 22/6/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (*Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*).

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Buộc ông T trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 28/9/2020 là: 64.509.835 đồng, bao gồm : dư nợ là 57.220.007 đồng và tiền lãi quá hạn: 7.289.828 đồng.

+ Ông T phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với bị đơn ông Dương Anh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu bị đơn ông Dương Anh T trả số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng ngày 27/11/2018 với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Dương Anh T có địa chỉ tại: đường Đ, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng đã ban hành Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho ông Dương Anh T nhưng ông T đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS. Ông Dương Anh T không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền dư nợ và nợ lãi:

Ngày 27/11/2018, ông Dương Anh T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S nhằm mở thẻ visa hạn mức tín dụng của Ngân hàng. Mục đích: tiêu dùng cá nhân. Hạn mức mở thẻ: 50.000.000 đồng. Lãi suất vay: 2,15%/tháng, kể từ ngày 15/8/2019 thay đổi lãi suất là 2,6%/tháng và được Ngân hàng điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất. Xét thấy, các bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117, 398, 401, 463 BLDS và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là có cơ sở để xác định ông T có quan hệ tín dụng với Ngân hàng S.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thực hiện nhiều lần thanh toán qua thẻ tín dụng với số tiền: 64.681.068 đồng và đã trả cho Ngân hàng số tiền 33.800.000 đồng. Đến tháng 4/2020 thì ông T không tiếp tục thanh toán nữa. Việc ông T không thanh toán các khoản nợ theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã vi phạm

Điều 2 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, khoản 2 Điều 465 BLDS 2015 và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc T thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền đến ngày 28/9/2020 là: 64.509.835 đồng, bao gồm : dư nợ là 57.220.007 đồng và tiền lãi quá hạn: 7.289.828 đồng và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán xong. Xét thấy, bị đơn ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng S và Điều 466 BLDS 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với ông T là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, trong Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Dương Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 117, 398, 401, 463, 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Dương Anh T.

Buộc ông Dương Anh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 64.509.835 đồng, bao gồm : dư nợ là 57.220.007 đồng và tiền lãi quá hạn: 7.289.828 đồng (tạm tính đến ngày 28/9/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Dương Anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Dương Anh T phải chịu 3.225.491đ (Ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi một đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 1.372.417đ (Một triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm mười bảy đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001210 ngày 25/6/2020 của Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ
- Dương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA, VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng